

Chương IX Phẩm Chín Bài Kệ

427. Chuyện Chim Thứu (Tiền thân Gijjha)

Được làm bằng đám gỗ chênh vênh...

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo bất tuân Giới luật.

Chuyện kể rằng vị ấy là thiện gia nam tử, và được truyền giới vào Giáo pháp đưa đến giải thoát được các vị Pháp sư, giáo sư đầy thiện chí cùng các đồng Phạm hạnh giáo giới như vậy:

- Hiền giả phải đi tới hay đi lui như vậy, phải nhìn thẳng hay nhìn nghiêng như vậy, cánh tay phải duỗi ra hay co lại như vậy, các y trong và y ngoài phải được mang như vậy, bình bát phải được cầm như vậy. Khi Hiền giả nhận đủ các thứ ăn để nuôi thân, sau khi tự quán sát, Hiền giả phải thọ dụng nó như vậy, hộ phòng các căn như vậy.

Hiền giả phải tiết độ trong ăn uống và tỉnh giác. Hiền giả phải nhận thấy các bốn phận như vậy đối với chư Tăng đến và đi khỏi tinh xá. Đây là mười bốn qui tắc về phận sự của Tỷ-kheo và tám mươi trọng giới phải hoàn thành đúng đắn, và đây là mười ba pháp thực hành Dhuta về nếp sống căn trọng. Tất cả các giới điều này phải được hoàn thành một cách nghiêm túc.

Tuy thế, vị ấy bất tuân Giới luật và thiếu kham nhẫn, không chịu thọ giáo một cách kính cẩn, và không tuân lời thầy, lại bảo:

- Tôi không chỉ trích các vị. Tại sao các vị nói với tôi như vậy? Tôi biết điều gì ích lợi cho tôi và điều gì không có lợi.

Tăng chúng nghe được sự bất tuân Giới luật của ông liền kể lại các lỗi lầm của ông trong lúc các vị ngồi tại Chánh pháp đường.

Bậc Đạo Sư bước vào, hỏi các vị đang bàn luận đề tài gì và truyền gọi Tỷ-kheo ấy đến hỏi:

- Nay Tỷ-kheo, tại sao khi đã được truyền giới vào Giáo pháp đưa đến giải thoát, ông lại không nghe lời dạy của các vị giáo thọ có thiện ý kia? Ngày xưa ông cũng đã bất tuân lời dạy của các trí giả và gặp cuồng phong Verambha thổi thành tro bụi.

Sau đó Ngài kể lại chuyện đời xưa.

*

Một thỏ nọ Bò-tát được sinh làm chim Thứu (kên kên) trên núi Linh thứu. Bấy giờ con của ngài là Supatta, vua kên kên, cường tráng, đầy dũng lực và có đám tuý tùng nhiều ngàn kên kên. Thứu vương phụng dưỡng song thân. Do có sức mạnh, Thứu vương thường bay rất xa. Chim thứu cha vẫn thường khuyên nhủ:

- Nay con thân, con đừng bay xa quá những điếm này.

Thứ vương đáp:

- Được lắm, thưa cha.

Nhưng một hôm trời mưa, Thứ vương bay cùng các kên kên khác, rời rời đàn phía sau, một mình vượt giới hạn đã được khuyến bảo, nên thứ vương bay vào cuồng phong Veramba và bị thổi tan thành tro bụi.

Với Tối Thắng Trí, Đức Phật ngâm các vần kệ này minh họa các sự kiện trên:

*1. Được làm bằng đám gỗ chênh vênh,
Một lối đi xưa cũ dẫn lên
Những đỉnh núi non cao chót vót,
Thứu con nuôi dưỡng các thân sinh.*

*2. Đôi cánh hùng cường đầy dũng lực,
Thứu đem mỡ rắn tặng song thân,
Khi cha nhìn Thứu bay cao quá,
Liều lĩnh du hành, vậy dạy rắn:*

*3. "Khi con quan sát, hỏi con thân,
Quả địa cầu tròn với đại dương
Bao bọc chung quanh, đừng tiến nữa,
Trở về ngay nhé, khẩn cầu con!"*

*4 - 5. Thứu vương thường cất cánh lên mau,
Bay lượn vòng quanh cõi địa cầu
Với nhãn quan tinh tường thấu suốt,
Thứu con thấy rõ các rùng sâu,
Núi non phía dưới cao vời vợi,
Quả đất giống cha tả biết bao:*

*6- 7. Một quả cầu tròn giữa đại dương,
Nhưng khi vượt quá giới hạn thông thường,
Dẫu là chim thứu đầy oai lực,
Một trận đại phong thật nộ cuồng
Đã thổi Thứu tan tành bỏ mạng,
Bất tài không địch nổi cuồng phong.*

*8 -9. Như vậy Thứu con bởi bất tuân
Tử vong bỏ mặc cả song thân.
Kẻ nào khinh bỉ kẻ già cả
Chế nhạo lời khuyến của trí nhân,*

*Cũng chết như chim khinh bạc trí,
Xem thường giới hạn bởi kiêu căng.*

- Vì vậy, này Tỷ-kheo, đừng giống như chim Thú này, mà phải tuân theo lời dạy của những người đầy thiện ý.

Khi được bậc Đạo Sư giáo huấn như trên, từ đó về sau vị ấy biết vâng lời thầy.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư nhận diện Tiền thân:

- Chim kên kên bất tuân lệnh ngày xưa là vị Tỷ-kheo không vâng lời ngày nay. Và chim cha chính là Ta.

-ooOoo-

428. Chuyện Giáo Hội Ở Kosambi (Tiền thân Kosambi)

Khi giáo hội bị chia hai, ly tán...

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Lâm Viên Ghosita (Cù-su-la) gần Kosambi (Kiều-thường-di) về một đám người tranh chấp nhau ở Kosambi.

Sự kiện dẫn đến chuyện này có thể tìm được trong phần Luật tạng liên hệ đến Kosambi. Sau đây là tóm tắt câu chuyện. Tương truyền thời ấy có hai Tỷ-kheo sống cùng một tịnh xá, một vị thông hiểu Giới luật và vị kia thông hiểu Kinh điển. Một hôm, vị thứ hai có dịp đến chỗ rửa mặt xong, đi ra và bỏ sót một ít nước thừa để súc miệng trong cái ghè. Sau đó vị thông Giới luật đi vào và thấy nước, liền đi ra hỏi bạn xem có phải vị ấy đã để nước lại đó chăng. Ông đáp:

- Thưa Hiền giả, vâng.

- Sao, thế Hiền giả không biết đó là lỗi làm ư?

- Không, tôi không biết.

- Này hiền giả, đó là lỗi làm.

- Thế thì tôi sẽ sám hối việc ấy.

- Song nếu Hiền giả không có ý làm việc ấy thì đó không phải lỗi làm.

Như vậy vị ấy là người không thấy lỗi làm trong một việc có lỗi làm. Vị tinh thông Giới luật bảo các đệ tử mình:

- Vị tinh thông Kinh điển này, dù đã phạm lỗi làm, lại không biết việc ấy.

Khi gặp các đệ tử của vị Tỷ-kheo kia, họ bảo:

- Thầy của các vị dù phạm lỗi lầm, lại không nhận ra lỗi lầm.

Đám này đi về thưa lại với thầy. Vị ấy bảo:

- Vị thông Giới luật này trước kia bảo đó không phải lỗi lầm, nay lại bảo đó là lỗi lầm. Vị này là kẻ nói dối.

Đám đệ tử này đi nói với đám kia:

- Thầy của các vị là kẻ nói dối.

Do đó hai nhóm gây sự tranh cãi lẫn nhau. Về sau vị thông hiểu Giới luật, tìm được cơ hội đưa ra một hình thức tẩn xuất vị Tỷ-kheo đã không chịu nhận thấy sự vi phạm Giới luật của mình.

Từ đó về sau, các cư sĩ cung cấp bốn vật dụng cần thiết cho Tăng chúng cũng chia ra hai phe. Các Tỷ-kheo -ni nhận sự giáo huấn của các Tỷ-kheo, các vị Thần hộ pháp, cùng các thân hữu quyến thuộc của họ, cùng chư Thiên lên đến tận cõi Phạm thiên, thậm chí cả đám người ngoại đạo, cũng họp thành hai phái và tiếng huyên náo vang lên đến toàn cõi Phạm thiên.

Sau đó một Tỷ-kheo đến gần đức Như Lai, và thông báo quan điểm của phe tẩn xuất là: "người kia bị tẩn xuất theo đúng Chánh pháp". Và quan điểm của những kẻ theo phe người bị tẩn xuất là: "người ấy bị tẩn xuất một cách phi pháp", cùng sự kiện một số người, dù bị phe tẩn xuất căm đoán, vẫn tụ họp lại để ủng hộ vị ấy.

Đức Thế Tôn bảo:

- Có sự chia rẽ, quả thật, có sự chia rẽ trong giáo hội.

Ngài đến gặp hai phe, nêu rõ sự tai hại trong vấn đề tẩn xuất đối với những người tẩn xuất, cùng sự nguy hại theo sau sự che dấu lỗi lầm đối với phe kia, rồi Ngài ra đi.

Lần khác, khi Hội chúng thực hành lễ Bồ-tát cùng các Tăng sự khác trong cùng một nơi, trong một khu vực, và lại tranh cãi ở trai đường cùng nhiều nơi khác, Ngài liền đưa ra điều luật rằng họ phải ngồi lại với nhau thảo luận lần lượt từng người một từ mỗi phe.

Khi nghe họ vẫn tranh cãi trong tinh xá, Ngài đến bảo:

- Thôi đủ rồi, này các Tỷ-kheo, chúng ta không được tranh cãi.

Một vị trong phe phi chính thống không muốn phiến nhiều đức Thế Tôn, liền thưa:

- Xin đức Thế Tôn hãy tinh xá. Mong đức Thế Tôn được an tịnh độc cư, thọ hưởng cực lạc đã chứng đắc ngay tại đời này. Chúng con sẽ tự làm cho chính bản thân ô danh vì cuộc khâu tranh, luận tranh, đấu tranh, giao tranh này.

Nhưng bậc Đạo Sư bảo họ:

- Nay các Tỷ-kheo, ngày xưa, vua Brahmadata, quốc vương ở Kàsi, trị vì tại Ba-la-nại, đã chiếm đoạt vương quốc của vua Dighati ở Kosala, và giết vua ấy, trong lúc sống ẩn tích mai danh. Đến khi vương tử Dighavu tha mạng vua Brahmadata, hai vị trở thành thân hữu trở về sau. Và như vậy chắc hẳn có nhiều khổ đau và thân ái giữa hai vị vua mang kiếm trượng ấy; quả thật, nay các Tỷ-kheo, các ông cần hiểu rõ rằng các ông đang sống đời tu tập theo Pháp và luật được khéo giảng, thì các ông có thể tha thứ và tỏ từ tâm đối với nhau.

Giáo huấn Tăng chúng đến lần thứ ba, Ngài bảo:

- Thôi đủ rồi, nay các Tỷ-kheo, không được tranh chấp nữa.

Và khi Ngài không thấy họ không ngừng lại trước lệnh của Ngài, Ngài ra đi và bảo:

- Quả thật đám người ngu si này giống như bị quý ám, chúng không dễ được thuyết phục.

Hôm sau đi khát thực về, Ngài nghỉ trong Hương Phòng và sắp đặt phòng cho thứ tự, rồi cầm y bát, Ngài đứng trên không và ngâm các vần kệ này giữa Hội chúng:

1. Khi Giáo hội bị phân chia hai nhóm,
Dân chúng thường mở miệng kêu vang:
"Mỗi người đều tự tin tưởng khôn ngoan,
Và nhìn kẻ láng giềng đầy khinh bỉ".

2. Tâm mê muội, chứa đầy niềm tự thị,
Chúng mở mồm phạm thượng thật si cuồng,
Vây là do khẩu nghiệp, chúng sai đường,
Chúng không biết ai dẫn đầu ra lệnh.

3. "Người này nhục mạ tôi, người kia đánh
Người thứ ba chiến thắng, cướp bóc tôi!"
Nhưng ai mang tư tưởng ấy trong người
Không hề muốn giảm dần niềm sân hận.

4. "Xưa nó nhục mạ tôi và đánh đấm,
Nó thắng tôi và đàn áp tôi hoài!"
Ai chẳng mang ý tưởng đó trong người,
Sẽ xoa dịu hận thù, đem hoà hợp.

5. Không hận thù, chỉ tình thương đơn độc
Làm hận thù tiêu diệt, luật ngàn năm,
Một số người khinh bỉ pháp điều thân.
Song kẻ biết giải hoà là trí thiện.

6. Nếu những kẻ bị thương trong tử chiến
Cùng những người cướp của, đoạt mạng dân,
Và những ai tàn phá nước lân bang,

Nay có thể cùng cự thù thân thiết,

*7. Thế tại sao chúng Tăng không hoà hiệp,
Các ông nên tìm đồng bạn trí hiền,
Kẻ đồng tâm để chung sống bình yên,
Hiểm hoạ hết, bên người đồng tâm tính,
Ông suốt ngày hân hoan trong Thiên định!*

*8. Song nếu ông không gặp bạn thân tình,
Thượng sách là ông phải sống một mình,
Như hoàng tử bỏ ngai vàng điện ngọc,
Hay voi già bước lang thang cô độc.*

*9. Vậy ưu tiên chấp nhận sống độc thân,
Bầu bạn ngu chỉ dẫn đến tranh phân,
Hay đeo đuối đường đời trong phóng dật,
Như voi nọ trong rừng hoang đi lạc.*

*

Khi bậc Đạo Sư đã nói như vậy xong, và Ngài vẫn không giải hoà được hội chúng này, Ngài liền đi đến làng Bālaka, nơi làm muối, và thảo luận với Tôn giả Bhagu về sự an lạc của độc cư. Sau đó Ngài lại đến nơi cư trú của ba thiện gia nam tử và nói chuyện với họ về hạnh phúc hoà hợp.

Rồi Ngài du hành đến rừng Pārileyyaka, cư trú tại đó ba tháng, và đi về thẳng Sàvatthi, chứ không trở lại Kosambi.

Quần chúng cư sĩ ở Kosambi thảo luận với nhau và bảo nhau:

- Hiển nhiên các Tôn Gia Tỷ-kheo ở Kosambi đã làm hại chúng ta rất nhiều, bậc Đạo Sư bị các vị ấy quấy nhiễu nên ra đi. Chúng ta quyết không trân trọng kính chào các vị ấy, cũng không cúng dường vật và thực khi họ đến nhà, để rồi họ sẽ ra đi, hoặc hoàn tục, hoặc cầu hoà với bậc Đạo Sư.

Và họ làm đúng như vậy.

Các Tỷ-kheo ấy bị túng quần vì hình thức xử phạt này, liền đến Sàvatthi thỉnh cầu đức Thế Tôn tha thứ.

*

Bậc Đạo Sư nhận diện tiền thân:

- Thời ấy vua cha là Đại vương Suddhodana (Tịnh Phạn), mẫu hậu là Mahàmàya (Mai-gia) và vương tử Dighàvu chính là Ta.

-ooOoo-

429. Chuyện Đại Anh Vũ (Tiền thân Mahāsuka)

Bất cứ khi nào cây trái sinh...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo.

Chuyện kể rằng vị ấy sống trong rừng gần một làng biên địa ở Kosabbi và nhận được lời giáo huấn từ bậc Đạo Sư theo các đề tài Thiên quán. Dân chúng làm cho ông một an thất trong một nơi họ thường lui tới, cung cấp nơi cư trú cả ngày lẫn đêm và phụng sự ông rất tận tâm chu đáo. Ngay tháng đầu tiên ông an cư mùa mưa, làng ấy bị đốt sạch và dân chúng không còn một hạt thóc nên không thể cúng dường thực phẩm thơm ngon vào bình bát ông, cho nên mặc dù ông ở trong một nơi thoải mái, ông lại buồn khổ vì thiếu thực phẩm đến độ không thể nhập vào Thánh đạo hay Thánh quả được.

Vì vậy khi hết ba tháng mưa, ông đến yết kiến bậc Đạo Sư, sau những lời ân cần chào hỏi, bậc Đạo Sư bày tỏ hy vọng là mặc dù khó khăn về thực phẩm cúng dường, ông cũng có được một nơi an trú dễ chịu. Vị Tỷ-kheo trình Ngài về tình hình đã diễn tiến ra sao. Khi nghe ông có được một trú xứ an lạc, bậc Đạo Sư bảo:

- Nay Tỷ-kheo, nếu sự tình là như vậy, một vị tu khổ hạnh nên dẹp bỏ các thói tham đắm, và tri túc với những thức ăn gì mình nhận được để hoàn thành phận sự của người xuất gia. Các bậc trí ngày xưa khi được sinh vào loài súc vật, dù chỉ sống bằng bụi bặm trong cây hư mục mà mình cư trú, cũng đã bỏ mọi tham dục, tự biết sống đủ để ở lại nơi kia và hoàn thành đạo lý về ân tình. Thế thì tại sao ông lại bỏ một nơi cư trú đầy an lạc chỉ vì thức ăn nhận được quá ít ỏi thô sơ?

Và theo lời thỉnh cầu của vị này, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa có vô số chim anh vũ (két) sống ở vùng Tuyết Sơn trên bờ sông Hằng trong một rừng sung. Vua Anh vũ ấy gặp lúc trái cây nơi mình cư trú đã hết màu, phải ăn bất cứ cái gì còn sót lại, dù là mầm, lá, vỏ cây hoặc giác cây và uống nước sông Hằng, vẫn thấy an lạc và tri túc nơi mình sống.

Do tâm trạng an lạc tri túc này, chiếc ngai của Thiên chủ Sakka rung động. Sakka tìm hiểu nguyên nhân và thấy Anh vũ này, rồi muốn thử thách công hạnh của chim, ngài dùng thần lực làm cho cây héo tàn, trở thành khúc thân cây mục đầy lỗ hổng đứng trơ vơ bị mưa gió vùi dập, và bụi bặm bay từ các lỗ ấy!

Anh vũ vương vẫn ăn bụi cây và uống nước sông Hằng, không đi đâu khác và vẫn đậu trên ngọn cây, chẳng quan tâm gì đến nắng gió.

Thiên chủ Sakka nhận thấy Anh vũ sống rất tri túc, liền tự bảo: "Sau khi nghe chim nói về đức tính của tình bằng hữu, ta sẽ đến ban cho chim một đặc ân và làm phép cho cây sung sinh bất tử".

Vì thế ngài giả dạng một Thiên nga cùng với hoàng hậu của ngài là Sujà đi trước biến hình thành một nữ thần A-tu-la, ngài đến rừng sung kia, đậu trên một khóm cây gòn đó và ngâm kệ bắt đầu đàm thoại với Anh vũ:

*1. Bất cứ khi nào cây trái sinh,
Bầy chim đói lại đến đầy cành,
Song khi cây đã thành khô héo,
Lập tức bầy chim bỏ chạy nhanh.*

Sau lời này, ngài lại ngâm vần kệ thúc giục chim đi chỗ khác:

*2. Nay ông mở đờ, hãy đi mau,
Ông vẫn ngồi mơ mộng, có sao?
Hãy nói ta nghe, xuân diệu hời,
Sao ông bám khúc gỗ khô nào?*

Chim Anh vũ đáp:

- Nay Thiên nga, do ân nghĩa, ta không rời bỏ cây này.

Rồi chim ngâm hai vần kệ:

*3. Ngay khi Anh vũ chứa cầu mong,
Biết rõ mọi điều kiện, chánh chân
Dầu sống, chết hay khi khổ lạc,
Đều không hề bỏ mặc thân bằng*

*4. Ta muốn ân cần, giữ thiện tâm
Với cây kết bạn đã lâu năm,
Ta mong sống, dầu lòng không nở
Rời bỏ cây khô đã chết dần.*

Sakka nghe chim nói, rất hoan hỷ, vừa ca ngợi chim vừa muốn ban cho chim một điều ước, liền ngâm hai vần kệ:

*5. Ta biết chim giao hữu thật tình
Trí nhân chắc chắn phải hoan nghênh,
Ta ban chim thứ gì chim mong muốn,
Anh vũ, ước cho thoả ý mình*

Nghe vậy, Anh vũ ngâm vần kệ thứ bảy nói lên điều mình ước:

*6. Thiên nga, nếu bạn muốn ban ân
Mong ước cho cây sống lại dần
Lần nữa vươn lên sức mạnh cũ,
Quả ngon tươi mát mọc đầy thân.*

Rồi Thiên chủ Sakka ngâm vần kệ thứ tam ban đặc ân này:

*7. Bạn nhìn! Cây quý quả sai đây,
Thích hợp cho chim ở chốn này,
Lần nữa vươn lên sức mạnh cũ,
Quả ngon ngọt mát tươi thay!*

Cùng với các lời này, Sakka bỏ lột ngỗng, thị hiện phép thần thông cùng Hoàng hậu Sujà, lấy tay múc nước sông Hằng rảy vào thân cây sung. Lập tức cây mọc lên cành lá sum suê, đầy trái ngọt như mật, tạo thành một cảnh tượng kỳ diệu như đỉnh núi Ngọc Bích lồ lộ.

Anh vũ thấy vậy, vô cùng hoan hỷ, ngâm vần kệ thứ chín tán thán Thiên chủ Sakka:

*8. Ước mong Thiên chủ, mọi Thiên thân,
Đều hưởng thọ tràn ngập phước ân,
Hạnh phúc như chim đang thọ hưởng
Khi nhìn cảnh tượng đẹp huy hoàng.*

Sau khi ban điều ước cho Anh vũ, và làm phép để cây sung mọc trái bất tử, ngài cùng Hoàng hậu Sujà trở về cõi của ngài.

Để minh họa chuyện này, các vần kệ xuất phát từ Trí tuệ Tối thắng được thêm vào đoạn cuối:

*9. Ngay khi Anh vũ chúa cầu mong,
Lần nữa cây kia trở trái dần,
Để Thích cùng bà hoàng biến mất
Về vườn Thiên lạc cõi Thiên thần.*

*

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư bảo:

- Như vậy, này Tỷ-kheo, các bậc trí này xưa dù sinh làm súc vật cũng dứt bỏ tham ái. Thế tại sao nay ông đã được thọ giới trong Giáo pháp tối thượng này, lại còn theo các thói xan tham? Hãy về ở lại chỗ ấy.

Rồi Ngài trao cho vị này một đề tài Thiền quán, và nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy Sakka là Anurudda (À-na-luật-đà) và Anh vũ chính là Ta.

Vị Tỷ-kheo trở về và nhờ Thiền quán đã đắc Thánh quả (A-la-hán).

-ooOoo-

430. Chuyện Tiểu Anh Vũ (Tiền thân Cullasuka)

Nhìn cây vô số ở quanh đây...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể tại Kỳ Viên liên hệ phẩm Verājā của Luật Tạng.

Sau thời an cư mùa mưa tại Verājā, khi bậc Đạo Sư lên đường dẫn đến Sàvatthi, Tăng chúng ngồi tại Chánh pháp đường thảo luận và bảo nhau:

- Nay các Hiền giả, đức Như Lai vốn là một vị quý tộc Sát-đế-ly được bảo dưỡng tể nhị, dầu đã thành Phật có đủ thần thông lực, vẫn theo lời thỉnh cầu của một Bà-la-môn ở Verājā an cư ba tháng với vị ấy. Rồi do áp lực của Ác Ma, Ngài không nhận được thực phẩm cúng dường từ tay vị Bà-la-môn ấy, thậm chí một ngày thôi, Ngài liền từ bỏ mọi tham dục và cứ ở lại nơi ấy suốt ba tháng sống bằng nước lã và một ít cám xay. Kỳ diệu thay là hạnh tri túc của các đức Như Lai!

Khi bậc Đạo Sư đến hỏi đề tài thảo luận của các vị, Ngài bảo:

- Nay các Tỷ-kheo, không lạ gì ngày nay Như Lai đã bỏ hết mọi tham dục, vì ngày xưa khi được sinh làm súc vật, Ngài cũng xả ly tham dục.

Và sau đó, Ngài kể một chuyện quá khứ. Bấy giờ toàn thể câu chuyện cũng được kể lại với đầy đủ chi tiết giống hệt như chuyện trước.

*

Sakka:

*1. Nhìn cây vô số ở quanh đây
Toàn thể xanh tươi, trái mọc đầy,
Cớ sao Anh vũ còn đeo đẳng
Cây đã héo khô tội nghiệp này?*

Anh vũ:

*2. Chúng ta hưởng thọ đã lâu năm
Trái ngọt ngon mà cây đã mang
Vây dẫu trái nay không còn nữa,
Cây cần phải được sự quan tâm.*

Sakka:

*3. Cây chẳng còn sinh trái, lá nào
Than ôi! Cây đã chết, vì sao?
Nay chim còn trách bầy chim bạn
Rằng chúng ta bay đi hết đã lâu?*

Anh vũ:

*4. Chúng yêu cây bởi trái cây thối,
Nay trái cây không còn nữa rồi,*

*Bạn ích kỷ ngu si tội nghiệp,
Thân tình ân nghĩa téch mù khơi!*

Sakka:

*5. Ta đây công nhận mối ân tình,
Chim có lòng chung thủy tốt lành,
Đức hạnh như là Anh vũ chúa,
Trí nhân mãi mãi sẽ hoan nghênh.*

*6. Ta muốn giờ đây ta tặng chim
Điều gì chim ước nguyện trong tim,
Ta cầu chim nói cho ta biết,
Điều ước làm tâm được phi nguyện?*

Anh vũ:

*7. Mong cây này lại có cơ may
Sinh sản lá tươi, trái trĩu đầy,
Ta sẽ vô cùng hoan hỷ thấy
Bầy chim tìm được bảo toàn này!*

*8. Thế rồi cây ấy được Sak-ka
Rảy nước hồi sinh để mọc ra
Cành lá sum suê đầy bóng mát,
Xinh tươi khả ái vẫn như xưa.*

*9. Ước mong Thiên chủ, các Thiên thần
Đều hưởng thọ tràn ngập phước ân,
Hạnh phúc như chim đang thọ hưởng
Khi nhìn cảnh tượng đáng hân hoan!*

*10. Như vậy cây trái được sinh
Nhờ lời Anh vũ nguyện ân tình,
Sak-ka trở lại cùng hoàng hậu
An hưởng vườn Thiên lạc hiển vinh*

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy Sakka là Anuruddha và Anh vũ vương chính là Ta.

-ooOoo-

431. Chuyện Nam Tử Hārīta (Tiền thân Hārīta)

Hà-ri Hiền hữu, trầm nghe rằng...

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo bất mãn.

Bấy giờ Tỷ-kheo này trở nên bất mãn sau khi nhìn thấy một nữ nhân phục sức lộng lẫy nên cứ để cho lông tóc, móng tay chân dài ra, và muốn hoàn tục. Khi ông miên cưỡng bị các vị giáo thọ và giám hộ đưa đi yết kiến bậc Đạo Sư, và được Ngài hỏi xem có đúng là ông thôi thất chắng, và tại sao như vậy, ông đáp:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn, chính vì uy lực của dục tham, sau khi nhìn thấy một nữ nhân xinh đẹp.

Bậc Đạo Sư bảo:

- Nay Tỷ-kheo, tham dục huỷ hoại công đức, hơn nữa, rất đáng nhàm chán, nó làm cho con người tái sinh vào địa ngục; thế thì sao tham dục này lại không đưa đến sự suy tàn của ông? Bởi vì trận cuồng phong vùi dập đỉnh núi Sineru (Tu-di) vẫn không ngăn ngại cuốn đi một ngọn lá khô héo. Chính vì tham dục này, những người thực hành theo trí thức và trí tuệ, đã đắc năm Thắng trí và tám Thiền chứng, đều là Thánh nhân vĩ đại, vẫn không đủ khả năng ổn định tâm tư nên sa đoạ đánh mất Thiền lực vi diệu.

Rồi ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadata trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh ở một làng trong một gia đình Bà-la-môn có tài sản đến tám triệu đồng, và do màu vàng ánh của ngài, cha mẹ đặt tên ngài là Harittacakumàra (Nam tử Kim sắc). Khi lớn khôn, và đã được giáo dục tại Takkasilà, ngài trở thành người gia chủ. Vừa khi cha mẹ từ trần, ngài đi thanh tra đủ các kho báu của mình và suy nghĩ: "Tài sản kho báu tiếp tục tồn tại, còn những người tạo ra nó lại mất cả rồi. Ta cũng tan thành tro bụi khi chết".

Như vậy do nỗi sợ chết báo động, ngài thực hành đại bố thí, rời vào vùng Tuyết Sơn sống đời tu hành, đến ngày thứ bảy ngài thành tựu các Thắng trí và các Thiền chứng. Ngài sống ở đó một thời gian bằng củ quả rừng, rồi xuống núi tìm muối và dấm, dần dần ngài đến tận Ba-la-nại.

Ngài sống trong ngục viên và ngày hôm sau, khi khát thực ngài đến cửa cung vua. Vua rất hoan hỷ khi thấy ngài nên đã truyền mời ngài vào ngồi trên vương tọa dưới bóng mát của chiếc Lọng trắng và cúng dường ngài đủ thứ cao lương mỹ vị.

Khi lời nói lời tùy hỷ công đức, vua vô cùng đẹp ý hỏi:

- Bạch Tôn giả, ngài sắp đi đâu?

- Tâu Đại vương, chúng tôi tìm một nơi an cư mùa mưa.

- Thế thì tốt lắm, bạch tôn giả. Vua bảo.

Rồi sau buổi điếm tâm, vua cùng đi với ngài đến ngự viên, truyền dựng am thất ban ngày lần bandêm cho ngài ở, chỉ định người giữ ngự viên làm hầu cận của ngài, rồi vua kính chào ngài ra về. Từ đó bậc Đại Sĩ thường xuyên ăn uống ở cung vua và sống tại nơi ấy suốt mười hai năm liền.

Một hôm, vua đi dẹp loạn ở biên giới, nên đã giao phó hoàng hậu chăm sóc Bô-tát, và bảo bà:

- Đừng xao lãng việc phụng sự "Phước điền" của chúng ta.

Từ đó trở về sau, hoàng hậu tự tay phục vụ bậc Đại Sĩ rất chu đáo.

Một hôm, hoàng hậu đã chuẩn bị thực phẩm của ngài xong, và vì ngài đến muộn, nên bà đi tắm nước hương thơm ngát, choàng chiếc y bằng lụa mỏng manh mềm mại, rồi mở cửa thượng lầu nằm xuống một vương sàng nhỏ để cho gió lùa trên thân thể bà.

Sau đó, Bô-tát đắp hạ y và thượng y, cầm bình bát, du hành qua không gian đi vào cửa sổ ấy. Khi hoàng hậu vội vàng đứng dậy vì nghe tiếng sột soạt của các tấm y bằng vỏ cây trên thân ngài, chiếc y bằng lụa mỏng rơi khỏi người bà. Một đôi tượng lạ thường đập vào mắt bậc Đại Sĩ. Rồi một dục tướng đã ẩn trong tâm ngài từ vô lượng kiếp, chợt bừng dậy như một con rắn nằm trong hộp, xua tan thiên lực của ngài.

Rồi không đủ khả năng ổn định tư tưởng, ngài đến chụp lấy hoàng hậu bằng đôi tay và hai vị lập tức kéo màn che phủ quanh người. Sau khi đã phạm tà dục với bà, ngài thọ thực và trở về ngự viên. Từ đó về sau, ngày nào ngài cũng đến làm như vậy.

Tà hạnh của ngài vang dậy khắp kinh thành. Các cận thần của vua dâng sớ tâu trình vua: "Nhà khổ hạnh Hārīta đang hành động như vậy như vậy".

Vua suy nghĩ: "Họ nói như vậy để ly gián chúng ta" và vua không tin chuyện ấy.

Khi vua đã bình định vùng biên địa xong, liền trở về Ba-la-nại và sau buổi diễn binh oai nghi khắp kinh thành, vua đến gặp hoàng hậu và hỏi:

- Có thật Thánh nhân khổ hạnh Hārīta đã phạm tà dục với ái hậu chăng?

- Tâu Chúa thượng, quả đúng vậy.

Vua vẫn không tin lời bà và suy nghĩ. "Ta sẽ hỏi chính vị ấy". Rồi đi đến ngự viên, vua vái chào ngài, ngồi kính cẩn một bên và ngậm vần kệ đầu để hỏi chuyện:

*1. Hà-ri Hiền hữu, trẫm nghe rằng
Tôn giả nay đang sống lỗi lầm,
Trẫm chẳng tin lời đồn đại ấy,
Ngài không phạm tội ý, thân chẳng?*

Ngài suy nghĩ: "Nếu ta nói ta không phạm tội lỗi, vị vua này sẽ tin ta, nhưng trên thế gian này, không có một căn cứ nào vững chắc bằng nói sự thật. Người nào từ bỏ sự thật, dù ngồi trong Bô-đề đạo tràng linh thiêng cũng không để đạt quả Phật. Vậy ta cần nói sự thật".

Trong vài trường hợp, một vị Bồ-tát có thể sát sinh, lấy của không cho, phạm tà dục và uống rượu nồng, nhưng vị ấy không được nói dối đi kèm với sự lừa phỉnh vì phạm chân lý của vạn vật. Vì thế ngài ngâm vần kệ thứ hai chỉ nói lên sự thật:

*2. Ta phạm ác hành, hồi Đại vương,
Đúng như Ngài đã được nghe rằng
Mắc vào tà thuật trong trần thế,
Ta đã đi sai lạc bước đường.*

Nghe vậy, vua ngâm vần kệ thứ ba:

*3. Trí tuệ uyên thâm của thế nhân
Hoài công vô ích, chẳng xua tan
Dục tham bùng dậy trong lòng dạ
Của bậc trí nhân đã lạc đường.*

Sau đó Hārīta nêu rõ cho vua thấy uy lực của dục tham qua vần kệ thứ tư:

*4. Bốn ác dục này ở thế gian
Uy quyền lấn áp cứ lan tràn:
Tham, sân, vô độ và si ám,
Tri kiến không sao đứng vững vàng.*

Vua nghe liền ngâm vần kệ thứ năm:

*5. Thánh hạnh tràn đầy với trí minh
Hà-ri Hiền giả đáng tôn vinh!*

Hiền giả Hārīta ngâm tiếp vần kệ thứ sáu:

*6. Ác tâm, tham dục, do liên kết,
Huỷ hoại trí nhân hướng Thánh hành.*

Sau đó vua ngâm vần kệ thứ bảy khuyên nhủ vị ấy quảng bỏ mọi tham dục:

*7. Vẻ đẹp trong tâm tịnh sáng ngời
Bị hư vì ác dục sinh sôi,
Quảng ngay, hạnh phúc đang chờ đón,
Quần chúng tuyên dương trí tuệ ngài.*

Khi ấy Bồ-tát đã phục hồi năng lực Thiên định và quán sát sự đau khổ của tham dục, ngài ngâm vần kệ thứ tám:

*8. Vì tham dục trói buộc thân này,
Sinh sản cho ta quả đắng cay,
Ta quyết cắt sâu cho tận gốc
Mọi mầm tham dục khởi lên đây.*

Nói vậy xong, ngài xin phép vua, rồi sau khi được chấp nhận, ngài về tham am tập trung nhãn lực vào đề tài và nhận định, sau đó bước ra khỏi am, ngồi bắt chéo chân trên không và giảng Chánh pháp cho vua, ngài bảo:

- Tâu Đại vương, ta đã tạo nên sự chỉ trích của quần chúng vì ta cư trú một nơi mà ta không nên cư trú. Nhưng giờ đây xin Đại vương hãy tỉnh giác hộ phòng. Còn ta sẽ trở về núi rừng thoát ly mọi ô nhiễm của nữ sắc.

Rồi giữa những giọt nước mắt và tiếng than khóc của vua, ngài trở về Tuyết Sơn, rồi không gián đoạn Thiền định, ngài lên cõi Phạm thiên.

Bậc Đạo Sư biết toàn thể câu chuyện và bảo:

*9. Như vậy, Hà-ri bậc trí nhân
Đấu tranh vì Chánh pháp kiên cường,
Vừa khi rời bỏ niềm tham dục,
Hướng đến Phạm thiên tiến thẳng đường.*

*

Sau khi ngâm vãn kệ do Trí tuệ tối thắng, Ngài tuyên thuyết các Sự Thật. Vào lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo có tâm thể tục ấy đã đắc Thánh quả.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời bấy giờ vua là Ananda, và Hàrita chính là Ta.

-ooOoo-